

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

LÊ QUANG HẢI

*“Phòng ngừa và hạn chế rủi ro tín dụng tại các
chi nhánh Ngân hàng thương mại trên địa bàn
tỉnh Phú Thọ”*

2013

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn này là công trình nghiên cứu của riêng tôi, chưa công bố tại bất cứ nơi nào. Mọi số liệu sử dụng trong luận văn này là những thông tin xác thực.

Tôi xin chịu mọi trách nhiệm về lời cam đoan của mình.

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 12 năm 2012

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Lê Quang Hải

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT DÙNG TRONG LUẬN VĂN

STT	Viết tắt	Viết đầy đủ
	NHNN	Ngân hàng Nhà nước
	NHNN VN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
	NHTM	Ngân hàng thương mại
	NHTMCP	Ngân hàng thương mại cổ phần
	RRTD	Rủi ro tín dụng
	TCTD	Tổ chức tín dụng
	QTDND	Quỹ tín dụng nhân dân
	Vietinbank	Ngân hàng TMCP Công thương
	Vietinbank tỉnh	NHTMCP Công thương chi nhánh tỉnh Phú Thọ
	Vietinbank Đền Hùng	NHTMCP Công thương chi nhánh Đền Hùng
	Vietinbank TX Phú Thọ	NHTMCP Công thương chi nhánh thị xã Phú Thọ
	Vietinbank Hùng Vương	NHTMCP Công thương chi nhánh Hùng Vương
	MB	NHTMCP Quân đội
	MSB	NHTMCP Hàng Hải
	Techcombank	NHTMCP Kỹ thương
	VIBBank	NHTMCP Quốc tế
	VP Bank	NHTMCP Việt Nam thịnh vượng
	Vietcombank	NHTMCP Ngoại thương
	Sacombank	NHTMCP Sài Gòn Thương tín
	NHCSXH	Ngân hàng Chính sách Xã hội
	Agribank	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	BIDV	Ngân hàng Đầu tư và phát triển
	MHB	Ngân hàng phát triển Nhà đồng bằng Sông CL
	CIC	Trung tâm thông tin tín dụng (thuộc NHNN VN)
	Cty CP	Công ty cổ phần
	Cty TNHH	Công ty trách nhiệm hữu hạn
	TSBĐ	Tài sản bảo đảm
	trđ	Triệu đồng

DANH MỤC CÁC BIỂU, ĐỒ THỊ, SƠ ĐỒ

DANH MỤC BIỂU

Biểu số 1: Cơ cấu và tốc độ tăng trưởng tín dụng	33
Biểu số 2: Dự nợ cho vay của từng NHTM (2009 – 2011)	36
Biểu số 3: Chất lượng và cơ cấu tín dụng phân theo nhóm nợ	38
Biểu số 4: Cơ cấu các nhóm nợ	39
Biểu số 5: Tình hình nợ xấu tại các NHTM	40
Biểu số 6: Nguyên nhân nợ xấu của các NHTM	43
Biểu số 7: Hệ số RRTD	59

DANH MỤC ĐỒ THỊ

Biểu đồ 1: Cơ cấu và tốc độ tăng trưởng tín dụng	35
Biểu đồ 2: Tổng thu nhập và thu nhập từ tín dụng	37
Biểu đồ 3: Tình hình nợ xấu tại các NHTM	41

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ các nguyên nhân dẫn đến RRTD	44
--	----

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Những năm gần đây trên địa bàn tỉnh Phú Thọ phát triển mạnh cả về số lượng và quy mô hoạt động của các tổ chức tín dụng (TCTD), chi nhánh TCTD. Tính đến thời điểm này đã có tới 52 tổ chức hoạt động ngân hàng. Trong đó: có 36 Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) Trung ương và cơ sở; 14 chi nhánh cấp 1 ngân hàng thương mại (NHTM), chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội và Ngân hàng Phát triển với sản phẩm chủ yếu là tín dụng cho vay nền kinh tế với tổng dư nợ 18.494 tỷ đồng, trong đó dư nợ cho vay của các NHTM 17.264 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 93,35% dư nợ cho vay chung trên địa bàn. Với tốc độ phát triển và tính cạnh tranh giữa các ngân hàng ngày càng lớn, do vậy khả năng rủi ro cũng gia tăng tương ứng.

Kinh tế thế giới trong những năm qua có nhiều chao đảo và kinh tế trong nước bước vào năm 2012 với những biến động bất ổn. Bên cạnh tình trạng lạm phát với tốc độ lớn cần phải tìm mọi biện pháp kiềm chế và ổn định thì nguy cơ thiếu phát, suy giảm kinh tế luôn hiện hữu. Ổn định kinh tế vĩ mô là nhiệm vụ lâu dài và ngay trước mắt. Điều đó đòi hỏi phải bắt đầu từ nguồn gốc, nguyên nhân của vấn đề. Bên cạnh những vấn đề thuộc về chính sách tài khoá còn có những nội dung trong thực hiện chính sách tiền tệ mà một trong những điểm trọng yếu là đầu tư tín dụng “có bơm ra mà không thực hiện được thu hồi vốn về”. Điều này trực tiếp là do chất lượng tín dụng chưa tốt, rủi ro tín dụng (RRTD) chưa được quản lý chặt chẽ, kịp thời và cần tiếp tục nghiên cứu, có giải pháp phù hợp, hiệu quả nhằm phòng ngừa và hạn chế RRTD.

Trước định hướng nhiệm vụ giai đoạn 2010 - 2015, toàn ngành Ngân hàng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ xác định: Tiếp tục mở rộng và phát triển số lượng và mạng lưới các TCTD; hàng năm Nguồn vốn huy động tăng trên 20%; Dư nợ cho vay nền kinh tế tăng trên 25%; Nợ xấu dưới 5% tổng dư nợ cho vay nền kinh tế; không ngừng đẩy mạnh phát triển các dịch vụ ngân hàng... Với những định hướng như trên thì vấn đề nghiên cứu, phân tích và trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp phù hợp, thực tiễn và hiệu quả nhằm ngăn ngừa, hạn chế RRTD là yêu cầu khách quan,

hết sức cần thiết. Đồng thời, vấn đề phòng ngừa và hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh tiền tệ và ngân hàng nói chung, trong tín dụng của các NHTM nói riêng có ý nghĩa to lớn và tầm quan trọng đặc biệt đối với một ngành kinh tế đặc biệt – huyết mạch của nền kinh tế nói chung.

Xuất phát từ thực tiễn nêu trên, với tâm huyết nghề nghiệp và trách nhiệm của mình, tôi thực hiện nghiên cứu đề tài **“Phòng ngừa và hạn chế rủi ro tín dụng tại các chi nhánh Ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Phú Thọ”** mong giúp các NHTM có các biện pháp quản trị hữu hiệu và phòng, chống RRTD, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh tiền tệ và dịch vụ ngân hàng an toàn, hiệu quả, tích cực phục vụ cung ứng vốn thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Bên cạnh đó, cũng là một ý kiến tham vấn rất hữu ích nhằm tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước về quản lý ngành, lĩnh vực liên quan trên địa bàn.

2. Mục tiêu nghiên cứu đề tài:

Đề tài nghiên cứu giải quyết 3 vấn đề cơ bản:

- Làm sáng tỏ một số vấn đề cơ sở lý luận về RRTD, phòng ngừa và hạn chế RRTD trong hoạt động của NHTM.

- Phân tích, đánh giá tình hình hoạt động tín dụng; mức độ rủi ro và thực trạng công tác phòng ngừa và hạn chế rủi ro của các NHTM trên địa bàn tỉnh Phú Thọ cùng nguyên nhân của nó.

- Đưa ra định hướng, các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa và hạn chế RRTD đối với các chi nhánh NHTM trên địa bàn dưới góc độ quản lý, chỉ đạo, Thanh tra - giám sát của NHNN và tại mỗi NHTM có thể áp dụng trong thực tiễn để nâng cao hiệu quả công tác quản trị rủi ro.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

+ Đối tượng nghiên cứu:

- Lý luận về RRTD, phòng ngừa và hạn chế RRTD trong hoạt động của NHTM.

- Tình hình hoạt động tín dụng ngân hàng và rủi ro trong tín dụng ngân hàng tại tỉnh Phú Thọ thông qua số liệu và diễn biến tổng dư nợ cho vay, nợ phân loại

theo các nhóm: nợ đủ tiêu chuẩn và nợ cần chú ý, nợ xấu trong cho vay (nợ dưới tiêu chuẩn, nợ nghi ngờ và nợ có khả năng mất vốn).

+ Phạm vi nghiên cứu:

- 14 Chi nhánh NHTM trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, gồm: Chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần (NHTMCP) Công thương (Vietinbank), Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Agribank), Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (BIDV), Ngân hàng phát triển Nhà đồng bằng sông Cửu Long (MHB), NHTMCP Quân đội (MB), NHTMCP Kỹ thương (Techcombank), NHTMCP Hàng Hải (MSB), NHTMCP Quốc tế (VIBbank), NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank), NHTMCP Ngoại Thương (Vietcombank), NHTMCP Sài Gòn thương tín (Sacombank).

- RRTD trong hoạt động ngân hàng qua số liệu và tình hình thực tế của 14 NHTM trên địa bàn tỉnh Phú Thọ trong phạm vi 3 năm (2009 - 2011).

4. Kết cấu luận văn

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận, luận văn được chia làm 4 chương. Cụ thể:

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn về rủi ro tín dụng, phòng ngừa, hạn chế rủi ro tín dụng trong hoạt động của các ngân hàng thương mại

Chương 2: Phương pháp nghiên cứu.

Chương 3: Thực trạng rủi ro tín dụng và việc phòng ngừa, hạn chế rủi ro tín dụng trong hoạt động của các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Chương 4: Một số giải pháp phòng ngừa, hạn chế rủi ro tín dụng tại các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Chương 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ RỦI RO TÍN DỤNG, PHÒNG NGỪA,
HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG
CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. Cấp tín dụng và rủi ro tín dụng trong hoạt động của các NHTM.

1.1.1. Khái niệm về cấp tín dụng và cho vay; rủi ro và rủi ro tín dụng

* Cấp tín dụng: Khoản 14, điều 4 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 giải thích:

“14. Cấp tín dụng là việc thỏa thuận để tổ chức, cá nhân sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác. “.

* Cho vay: cho vay hiện là hoạt động cấp tín dụng chủ yếu nhất của các NHTM ở Việt Nam nói chung và khoản 16, cũng điều 4 Luật các TCTD đưa ra khái niệm:

“16. Cho vay là hình thức cấp tín dụng, theo đó bên cho vay giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.”

* Rủi ro: Có nhiều cách quan niệm khác nhau về rủi ro, tùy thuộc vào chủ thể và hoạt động của chủ thể đó trong mối quan hệ với các yếu tố khác của môi trường.

Theo Frank Night, một học giả người Mỹ đầu thế kỷ 20: “Rủi ro là sự bất trắc có thể đo lường được”.

Một nhà kinh tế học người Anh là Marilic Hurt Carty quan niệm “Rủi ro là tình trạng trong đó các biến cố xảy ra trong tương lai có thể xác định được”.

Theo lý thuyết chứng khoán: “Rủi ro là sự chênh lệch giữa lợi nhuận thực tế và lợi nhuận dự tính mạng lại từ đầu tư”.

Như vậy, các định nghĩa tuy có khác nhau nhưng đều thống nhất ở một nội dung coi rủi ro là sự bất trắc không mong đợi, gây ra thiệt hại và có thể đo lường được.

Đối với hoạt động kinh doanh của ngân hàng, rủi ro có thể được hiểu là mối đe dọa bị tổn thất một phần nguồn vốn của mình và/ hoặc không đạt được thu nhập

hay đòi hỏi các khoản chi phí bổ sung để thực hiện các nghiệp vụ tài chính nhất định.

Trong hoạt động kinh doanh nói chung và hoạt động kinh doanh ngân hàng nói riêng vấn đề rủi ro là không thể tránh khỏi, quá trình mở rộng kinh doanh đồng thời là quá trình mở rộng rủi ro. Các nhà quản trị không thể loại bỏ được rủi ro mà chỉ có thể phát hiện kịp thời để có những biện pháp chủ động xử lý. Đối với một ngân hàng, việc kiểm soát rủi ro là quá trình phối hợp giữa những hoạt động nghiệp vụ; giữa các chính sách nội bộ; giữa những thoả thuận hợp đồng với các cơ quan bảo hiểm, cũng như tiến hành các các biện pháp tự bảo hiểm và các biện pháp khác để giảm bớt đi các chi phí, các thiệt hại bất ngờ, kể cả việc lường tránh sự phá sản ngân hàng. Trong sự cạnh tranh gay gắt của nền kinh tế thị trường hiện nay, các nhà quản trị phải biết nhận biết và dự đoán trước các rủi ro để sớm đưa ra các giải pháp phòng ngừa chống đỡ tác hại của nó.

* Rủi ro tín dụng:

Theo Joel Bessis (Risk management in banking) thì RRTD được hiểu là những tổn thất do khách hàng không trả được nợ hoặc sự giảm sút chất lượng của những khoản vay.

Theo khoản 1, Điều 2 Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý RRTD trong hoạt động ngân hàng của TCTD ban hành theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 của Thống đốc NHNN thì: "RRTD là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của TCTD do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết".

RRTD được hiểu theo nghĩa xác suất, là khả năng, do đó có thể xảy ra hoặc không xảy ra tổn thất. Điều này có nghĩa là một khoản vay dù chưa quá hạn nhưng vẫn luôn tiềm ẩn nguy cơ xảy ra tổn thất, một ngân hàng có tỷ lệ nợ cần chú ý, nợ xấu thấp nhưng nguy cơ RRTD sẽ rất cao nếu danh mục đầu tư tín dụng tập trung vào một nhóm khách hàng, ngành hàng tiềm ẩn nhiều rủi ro. Cách hiểu này sẽ giúp cho hoạt động quản trị RRTD được chủ động trong phòng ngừa, trích lập dự phòng, đảm bảo chống đỡ và bù đắp tổn thất khi rủi ro xảy ra.

Khi thực hiện một hoạt động cho vay cụ thể, ngân hàng không dự kiến là khoản cho vay đó sẽ bị tổn thất. Tuy nhiên những khoản cho vay đó luôn hàm chứa rủi ro. RRTD được xem là rủi ro lớn nhất trong các loại rủi ro mà ngân hàng gặp phải, nó thường xuyên xảy ra và gây nên hậu quả nặng nề nhất. RRTD ngân hàng gắn liền với rủi ro của khách hàng vay vốn. Tuy vậy thực tế cho thấy RRTD xảy ra còn vì khách hàng cố ý không trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng, cố ý đồ chiếm dụng vốn... RRTD xảy ra có thể làm tê liệt khả năng thanh toán của ngân hàng, thậm chí đưa ngân hàng đến bờ vực phá sản. Chính vì vậy trong quá trình hoạt động kinh doanh Ngân hàng không được xem nhẹ vấn đề RRTD.

1.1.2. Phân loại rủi ro tín dụng

* Căn cứ vào nguyên nhân phát sinh rủi ro:

+ Rủi ro giao dịch: là một hình thức của RRTD mà nguyên nhân phát sinh là do những hạn chế trong quá trình giao dịch và xét duyệt cho vay, đánh giá khách hàng. Rủi ro giao dịch có ba bộ phận chính là:

- Rủi ro lựa chọn: là rủi ro có liên quan đến quá trình đánh giá và phân tích tín dụng, khi ngân hàng lựa chọn những phương án vay vốn hiệu quả để ra quyết định cho vay.

- Rủi ro bảo đảm: phát sinh từ các tiêu chuẩn bảo đảm như các điều khoản trong hợp đồng cho vay, các loại tài sản bảo đảm (TSBĐ), chủ thể bảo đảm, hình thức bảo đảm và mức cho vay trên giá trị của TSBĐ.

- Rủi ro nghiệp vụ: là rủi ro liên quan đến công tác quản lý khoản vay và hoạt động cho vay, bao gồm cả việc sử dụng hệ thống xếp hạng rủi ro và kỹ thuật xử lý các khoản vay có vấn đề.

+ Rủi ro danh mục: là một hình thức của RRTD mà nguyên nhân phát sinh là do những hạn chế trong quản lý danh mục cho vay của ngân hàng, được phân chia thành:

- Rủi ro nội tại: xuất phát từ các yếu tố, các đặc điểm riêng có, mang tính riêng biệt bên trong của mỗi chủ thể đi vay hoặc ngành, lĩnh vực kinh tế. Nó xuất phát từ đặc điểm hoạt động hoặc đặc điểm sử dụng vốn của khách hàng vay vốn.